TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: **483**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2023
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bền Trân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh– Kiểm sát viên;

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2023/QĐXXST-HN ngày 21/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 172/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Nguyễn Thành B, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và anh B sống chung năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N1 ngày 04/9/2008, hai bên tiến tới hôn nhân do tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, đỉnh điểm tôi đã từng uống thuốc cỏ để tự tử nhưng được gia đình phát hiện kịp thời và cứu chữa. Sau khi tôi xuất viện về nhà anh B vẫn không thay đổi tính tình, hiện tại tình cảm không còn, không có biện pháp nào hàn gắn nên đã ly thân từ tháng 04/2023 cho đến nay.

Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: có 03 cháu tên Nguyễn Ngọc Như C, sinh ngày 29/8/2006, Nguyễn Ngọc Bảo D, sinh ngày 24/9/2013, Nguyễn Huy E, sinh ngày 15/12/2016. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu D, cháu E, mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi lao động được. Đối với cháu Như C, tôi không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu ngay khi án có hiệu lực.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có nợ chung.

Tại phiên tòa chị A giữ nguyên yêu cầu ly hôn, đồng ý giao 02 con chung là cháu D và cháu E cho anh B tiếp tục nuôi, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con. Riêng cháu C đã lớn, lao động được chị nuôi dưỡng, không có yêu cầu gì. Về tài sản chung: Có nhà, đất nhưng tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh B tự thỏa thuận nếu những chủ nợ có yêu cầu, vì có một số nợ chung nhưng chưa đến hạn, do anh B vay mượn sinh hoạt gia đình nên chị không rõ, nếu không thỏa thuận được chị yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa anh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời khai của chị A, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về con chung: Có 03 con chung như chị A trình bày, hiện đang sống với anh, nếu vợ chồng ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi 02 cháu D và E, đồng ý mức chị A cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Về nợ chung: Có một số nợ chung lúc vợ chồng còn sống, anh B không đồng ý ly hôn nên cũng không nộp đơn yêu cầu chia nợ chung, hiện các khoản nợ cũng chưa đến hạn, nếu Tòa án xem xét cho chị A ly hôn thì anh sẽ tự thỏa thuận với chị A, không thỏa thuận được sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B và chị A có nhiều mâu thuẫn anh B khai còn tình cảm với chị A nhưng không có biện pháp hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2023 đến nay, như vậy vợ chồng đã

không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa cho chị A ly hôn; Về con chung: giao cháu C cho chị A nuôi, giao 02 D và E cho anh B nuôi, chị A cấp dưỡng 2.000.000 đồng/2 con chung.

Về tài sản chung và nơ chung: Không yêu cầu giải quyết

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A và anh B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1vào ngày 04/9/2008 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, đỉnh điểm chị A đã từng uống thuốc cỏ để tự tử nhưng được gia đình phát hiện kịp thời và cứu chữa. Sau khi chị A xuất viện về nhà anh B vẫn không thay đổi tính tình, hiện tại tình cảm chị không còn, anh B không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào hàn gắn, chị A đã rời khỏi nhà sống ly thân từ tháng 04/2023 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống là có căn cứ nên cần xem xét cho chị A được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị A và anh B thống nhất nếu Tòa án cho ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu C cho chị A nuôi, anh B không cấp dưỡng, giao cháu D và cháu E cho anh B tiếp tục nuôi, chị A tự nguyện cấp dưỡng cho 02 cháu D và E 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung: Anh chị khai thống nhất tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa anh B chị A thừa nhận có một số nợ do anh B vay để sinh hoạt gia đình, nhưng cũng không cung cấp tài liệu, thông tin gì về chủ nợ, anh chị khai nợ cũng chưa đến hạn. Anh, chị tự thỏa thuận trả nợ sau ly hôn, nếu không thỏa thuận được thì giải quyết bằng vụ án khác. Xét việc anh chị khai có nợ nhưng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không có ai yêu cầu anh B, chị A trả nợ khi Tòa án thụ lý vụ án. Do đó, Tòa án không xem xét yêu cầu về nợ của đương sự, nếu anh chị không thỏa thuận được về nợ chung có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Nguyễn Thành B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Thành B;

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như C, sinh ngày 29/8/2006, cho chị A nuôi, anh B không cấp dưỡng. Giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Bảo D, sinh ngày 24/9/2013, Nguyễn Huy E, sinh ngày 15/12/2016 cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị A cấp dưỡng nuôi cháu D và cháu E mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu ngay khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày người được Thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung.

1.3. Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0026076 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N1;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lil